

# Hướng dẫn sử dụng cơ sở chăm sóc trẻ, v.v... năm tài chính 2024

1. 保育所等一覧	P1
2. 保育の必要性の認定	P3
3. 保育所等の利用・退園基準	P5
4. 利用申込手続きの流れ、必要書類等について	P6
利用申込 Q&A	P9
5. 豊明市保育所等利用調整指数表（令和6年度）	P10
6. 保育料等、延長保育料、給食費等について	P11
利用開始後 Q&A	P14
7. その他の様々な保育サービスについて	P15
巻末 私立保育所等案内	P17

豊明市にある保育を行う認可の施設または事業は次のとおりです。これらの保育所・認定こども園（保育所部分）・地域型保育事業(以下「保育所等」という。)の利用を希望する場合は、この利用案内を必ずよくお読みいただき、ご理解の上お申込みください。

種 別	目 的
保育所	就労などのため家庭で保育のできない保護者に代わって保育を行う施設です。
認定こども園 (保育所部分) ※	保育所と幼稚園の機能や特徴を併せもち、教育と保育を一体的に行う施設です。
地域型保育事業	保育所より少人数の単位で0～2歳の子どもの対象に、就労などのため家庭で保育のできない保護者に代わって保育を行う事業です。

(※)幼稚園部分の利用を希望する場合は、施設に直接お尋ねください。



## Thành phố Toyoake

Ban chăm sóc trẻ tại Trụ sở hành  
chính thành phố Toyoake

TEL : 0562-92-1120 (直通)

FAX : 0562-92-1168

〒470-1195 豊明市新田町子持松1番地1



# 1. Danh sách các cơ sở chăm sóc trẻ, v.v...

【表 1. Danh sách các cơ sở chăm sóc trẻ thành phố Toyoake, v.v...】

種別	施設名	所在地・電話番号	定員	平日開園時間	土曜日開園時間 (※1)	利用可能期間(※3) 令和6年4月1日時点	公私立
保 育 所	① Aoitori	三崎町高鴨 1-1 TEL:0562-92-6666	174	7:30 ~	18:30	Trẻ 1 tuổi cho đến trước khi học tiểu học	公立
	② Futamuradai	二村台3丁目 1-1 TEL:0562-92-1500	150	7:30~19:00	7:30~18:30	Từ 4 tháng trở lên	公立
	③ Yakata	栄町西大根 30-273 TEL:0562-97-0800	142	7:30~19:00	7:30~18:30	Từ 4 tháng trở lên	公立
	④ Chubu	新田町門先 10-10 TEL:0562-92-7667	195	7:30 ~	18:30	Trẻ 1 tuổi cho đến trước khi học tiểu học	公立
	⑤ Sakae	新栄町二丁目 333 TEL:0562-97-1900	173	7:30 ~	18:30	Trẻ 1 tuổi cho đến trước khi học tiểu học	公立
	⑥ Nanbu	栄町坂畑 100 TEL:0562-97-2811	88	7:30 ~	18:30	Từ 4 tháng trở lên	公立
	⑦ Seibu	間米町鶴根 1212-66 TEL:0562-93-7781	90	7:30~18:30	7:30~18:30 (※2)Futamuradai	Trẻ 1 tuổi cho đến trước khi học tiểu học	公立
	⑧ Mutsumi	阿野町西ノ海戸 19-2 TEL:0562-92-0137	130	7:30~19:00	7:30~18:30	Từ 57 ngày tuổi trở lên sau khi sinh	私立
	⑨ Karatake	間米町唐竹 368-7 TEL:0562-93-3737	130	7:30 ~	18:30	Từ 57 ngày tuổi trở lên sau khi sinh	私立
	⑩ Mamina	新栄町三丁目 308 TEL:0562-98-1116	30	7:30~19:00	7:30~18:30	Từ 57 ngày tuổi đến 2 tuổi (※4) sau khi sinh	私立
	⑪ Shiraho Tobu	沓掛町小所 80 TEL:0562-57-2430	120	7:00~19:00	7:00~18:30	Từ 57 ngày tuổi trở lên sau khi sinh	私立
	⑫ Kutsukake Keyaki	沓掛町東本郷 178 TEL:0562-57-6630	110	7:00~19:00	7:00~18:30	Từ 57 ngày tuổi trở lên sau khi sinh	私立
	⑬ Aguran Hoikuen Uchiyama	栄町内山 67-5 TEL:050-3665-8056(仮)	60	7:00~19:00		Trẻ 1 tuổi cho đến trước khi học tiểu học(※5)	私立
地 域 型 保 育 事 業	⑭ Memorytree Misaki	三崎町中ノ坪 21-10 TEL:0562-51-6192	19	7:30 ~	18:30	Từ 4 tháng tuổi đến 2 tuổi(※4)	私立
	⑮ Memorytree Zengo	阿野町北上ノ山 42-10 TEL:0562-85-5061	19	7:30 ~	19:00	Từ 4 tháng tuổi đến 2 tuổi(※4)	私立
	⑯ Toyoakegakuen Himawari	沓掛町山新田 10-15 TEL:0562-92-3121	19	7:30 ~	18:30	Từ 6 tháng tuổi đến 2 tuổi(※4)	私立
	⑰ Toyoake Nakayoshi	大久伝町西 53-10 TEL:0562-92-7826	19	7:30~19:00	7:30~18:30	Từ 57 ngày tuổi đến 2 tuổi sau khi sinh (※4)	私立
	⑱ Kanade attached to Chukyo Satellite Clinic	沓掛町石畑 192 TEL:0562-57-0082	30	7:30 ~	18:30	Từ 57 ngày tuổi đến 2 tuổi sau khi sinh (※4)	私立
保 育 所 認 定	⑲ Rejoice	二村台2丁目 9-1 TEL:0562-92-1943	107	7:30 ~	18:30	Từ 6 tháng trở lên	私立

(※1) Thời gian sử dụng dịch vụ chăm sóc trẻ vào thứ Bảy được giới hạn trong thời gian cần thiết do làm việc, v.v... (Chỉ giới hạn trong trường hợp có thể xác nhận được bằng giấy chứng nhận làm việc, v.v...)

(※2) Việc chăm sóc trẻ vào thứ Bảy sẽ được tổ chức chung tại các cơ sở chăm sóc trẻ được liệt kê.

(※3) Đối với việc tiếp nhận lớp trẻ 0 tuổi, sẽ tính theo tháng tuổi tại thời điểm bắt đầu sử dụng.

(※4) 3歳児(年少)クラスへの進級の際は、申請により希望する保育所等へ優先的に転園のご案内をします。

(※5) Từ năm tài chính 2025 sẽ tiếp nhận trẻ từ 57 ngày tuổi trở lên.

通常保育時間は、次のとおりです。このほか、保護者の就労状況等に応じて必要な範囲で、通常保育時間帯を超えての利用や土曜日の利用が可能です。ご利用の際は、各保育所等に別途事前申請が必要です。詳細は各保育所等にお尋ねください。(料金については 13 ページ参照。)

	保育所等名	時間
通常保育	むつみ保育園・豊明学園ひまわり以外全て	8時15分から 16時15分まで
	むつみ保育園・豊明学園ひまわり	8時から 16時まで



## 2. Chứng nhận nhu cầu chăm sóc trẻ

保育所等の利用を希望する場合は、市から次表のとおり「教育・保育給付認定（以下、「認定」という。）」を受ける必要があります。これには申請が必要で、保育所等の利用申込みと同時に手続きをすることが必要です。保育所等への利用申込みを希望する場合は、保護者が保育を必要とする事由（以下、「認定事由」という。）を満たし、保育認定（2号、3号認定）を受けることが必要です。

### 【認定の種類について】

- Tùy thuộc vào lý do chứng nhận, v.v... mà mức độ cần chăm sóc trẻ sẽ tương ứng với mức “Thời gian chăm sóc trẻ tiêu chuẩn” hoặc mức “Thời gian chăm sóc trẻ ngắn”, thời gian sử dụng cơ sở cũng như phí chăm sóc trẻ (số tiền mà người sử dụng phải thanh toán) sẽ được xác định.
- Kể cả khi nhận được chứng nhận chăm sóc trẻ thì cũng có thể không được chuyển đến cơ sở chăm sóc trẻ, v.v... mà mình mong muốn dựa theo kết quả sắp xếp sử dụng cơ sở.
- Trường hợp mức độ cần chăm sóc trẻ của một trong những người giám hộ tương ứng với mức “Thời gian chăm sóc trẻ ngắn” thì đó sẽ thuộc trường hợp “Thời gian chăm sóc trẻ ngắn”.

認定区分	2号認定	3号認定	1号認定
対象年齢	満3歳以上	満3歳未満	満3歳以上
保育の必要性 《表2.認定事由に該当》	あり	あり	なし
入所(利用)対象	保育所 認定こども園(保育所部分)	保育所 認定こども園(保育所部分) 地域型保育事業(※2)	認定こども園(幼稚園部分) 幼稚園(新制度へ移行している施設のみ。豊明市にはありません。)
施設を利用できる時間(※1)	11時間(保育標準時間)または8時間(保育短時間)(※3)		4時間(教育標準時間)

(※1) 延長保育等を除きます。11時間、8時間をどの時間帯とするかは各保育所等により異なります。

(※2) 3歳に達した年度末までは利用可能です。

(※3) 保育必要量に応じて、保育所等の最大利用時間は異なりますが、保育標準時間、保育短時間どちらで認定を受けた場合であっても、保護者が実際に必要とする時間(就労時間等)での利用となります。

### Về việc xin chứng nhận

#### (1) Hồ sơ nộp

① Đơn xin chứng nhận chu cấp quyền lợi giáo dục và chăm sóc trẻ/chứng nhận quyền lợi sử dụng cơ sở, v.v...

② Hồ sơ có thể xác nhận lý do được do chứng nhận (保育認定(2、3号認定)を希望する場合のみ。次ページ参照)

#### (2) Địa điểm nộp

Ban chăm sóc trẻ tại Trụ sở hành chính thành phố (一斉申込みと同時申請の場合は6ページ参照)

#### (3) Kỳ hạn nộp

Ngày 20 của tháng trước tháng mong muốn chứng nhận (trường hợp là ngày nghỉ thì đến ngày hôm trước)

市にて審査を行い、認定に係る事項を記載した通知書を交付します。(申請の際、支給認定証(※)の交付を希望した方には、支給認定証を交付します。)

(※) 支給認定証の交付を受けた場合は、変更等の際に返還が必要ですので、大切に保管してください。

### Về thủ tục thay đổi chứng nhận

Trường hợp có thay đổi về nội dung chứng nhận do thay đổi lý do chứng nhận, tình trạng hộ gia đình, v.v... thì cần phải thực hiện các thủ tục thay đổi nên vui lòng liên hệ với từng cơ sở chăm sóc trẻ, v.v... hoặc Ban chăm sóc trẻ.

### Về việc xác nhận tình trạng hiện tại (xác nhận nhu cầu chăm sóc trẻ)

• Hàng năm (khi cần thiết ứng tình hình), cần nộp hồ sơ có thể xác nhận lý do được do chứng nhận. Trường hợp không nộp hồ sơ nên không thể xác nhận được hoặc trường hợp không còn phù hợp với lý do chứng nhận thì có thể sẽ bị hủy bỏ chứng nhận và bị yêu cầu rời khỏi cơ sở chăm sóc, v.v...

【表2. Lý do cần chăm sóc trẻ (lý do chứng nhận)/hồ sơ có thể xác nhận lý do được chứng nhận】

認定事由	保育必要量	具体的な条件、認定期間等	認定事由を確認できる書類 (各証明書類は発行日から3か月以内に提出してください。)
① Làm việc	Thời gian chăm sóc trẻ tiêu chuẩn (Trên 120 tiếng mỗi tháng)  Hoặc  Thời gian chăm sóc trẻ ngắn (60~120 tiếng mỗi tháng) ※1	Đang làm việc (từ 60 tiếng trở lên mỗi tháng) ・農業従事者(農業経営者含む。)については、耕作面積30アール以上の農地で耕作している場合が対象  《Khoảng thời gian chứng nhận》Lâu nhất là đến trước khi học tiểu học  Trường hợp tuyển dụng có thời hạn thì sẽ đến thời gian tuyển dụng	Giấy chứng nhận làm việc  Đối với chủ doanh nghiệp và người tự kinh doanh thì bản sao của thông báo thành lập doanh nghiệp, giấy phép kinh doanh, tờ khai quyết toán thuế của năm gần nhất, giấy chứng nhận các hạng mục đăng ký pháp nhân, v.v...  農業従事者：農業経営者による証明。 (農業経営者) 農業経営者本人の証明書の場合は「農家台帳の写し」の添付が必要  内職従事者：内職提供者による証明または、自ら申告の上契約書の写し等添付が必要。
② Đi học	Thời gian chăm sóc trẻ tiêu chuẩn (Trên 120 tiếng mỗi tháng)  Hoặc  Thời gian chăm sóc trẻ ngắn (60~120 tiếng mỗi tháng) ※1	Đang đi học hoặc đang tập huấn nghiệp vụ (từ 60 tiếng trở lên mỗi tháng)  《Khoảng thời gian chứng nhận》Đến cuối tháng tốt nghiệp	Giấy chứng nhận đang đi học, chương trình học, v.v... (入学後に確定したカリキュラムの提出が必要です。)
③ Mang thai/sinh con	Thời gian chăm sóc trẻ tiêu chuẩn (Thời gian chăm sóc trẻ ngắn) ※2	《Khoảng thời gian chứng nhận》Từ ngày đầu tiên của 2 tháng trước tháng dự sinh(*4) đến ngày cuối cùng của 2 tháng sau ngày sinh	Bản sao sổ tay sức khỏe bà mẹ và trẻ em (bìa và trang ghi ngày dự sinh)
④ Bệnh tật hoặc khuyết tật của người giám hộ	Thời gian chăm sóc trẻ tiêu chuẩn (Thời gian chăm sóc trẻ ngắn) ※2	・Bị bệnh hoặc bị khuyết tật 《Khoảng thời gian chứng nhận》Lâu nhất là đến trước khi học tiểu học	Đơn kiến nghị (mẫu do thành phố chỉ định) và một trong những thứ sau đây ・Bệnh tật: Giấy chứng nhận y tế của bác sĩ (※5) (Phải có ghi nội dung “Không thể chăm sóc trẻ”) ・Khuyết tật: Bản sao sổ tay người khuyết tật, v.v... (※6)
⑤ Chăm sóc, điều dưỡng, v.v. người thân (kể cả trong thời gian nằm viện)	Thời gian chăm sóc trẻ tiêu chuẩn Hoặc Thời gian chăm sóc trẻ ngắn	・Đang thường xuyên chăm sóc hoặc nuôi dưỡng người thân 《Khoảng thời gian chứng nhận》Lâu nhất là đến trước khi học tiểu học	Đơn kiến nghị (mẫu do thành phố chỉ định) và một trong những thứ sau đây ・Chăm sóc: “Bản sao thẻ người được bảo hiểm của Bảo hiểm chăm sóc” (※6) Giấy chứng nhận y tế của bác sĩ (※5) (「介護を必要とする」旨の記載があること。) ・Điều dưỡng: Giấy chứng nhận y tế của bác sĩ, v.v... (※5) (「看護を必要とする」旨の記載があること。)
⑥ Phục hồi sau thảm họa	Thời gian chăm sóc trẻ tiêu chuẩn (Thời gian chăm sóc trẻ ngắn) ※2	・Đang khôi phục thiên tai như: thảm họa động đất, thiên tai do mưa gió, hỏa hoạn, v.v... 《Khoảng thời gian chứng nhận》災害復旧が終了するまで	Chứng nhận bị thiên tai (do Trụ sở hành chính thành phố, Sở cứu hỏa, v.v... cấp)
⑦ Tìm kiếm việc làm (起業準備含む。)	Thời gian chăm sóc trẻ ngắn	・Đang liên tục tìm kiếm công việc (từ 60 tiếng trở lên mỗi tháng) 《Khoảng thời gian chứng nhận》 Khoảng 3 tháng kể từ ngày bắt đầu chứng nhận	Đơn kiến nghị tìm kiếm việc làm (mẫu do thành phố chỉ định)

⑧ Xin nghỉ làm chăm sóc trẻ	Thời gian chăm sóc trẻ ngắn	Đang trong thời gian nghỉ làm chăm sóc con cái (chỉ giới hạn từ 3 tuổi trở lên) (※7) 《Khoảng thời gian chứng nhận》 đến cuối tháng có ngày hết thời gian nghỉ làm chăm sóc trẻ	Giấy chứng nhận nghỉ làm chăm sóc trẻ (mẫu do thành phố chỉ định) Hoặc Giấy chứng nhận làm việc (mẫu do thành phố chỉ định)
⑨ Khác	適宜	Những thứ khác được nhìn nhận là tương đương 《Khoảng thời gian chứng nhận》 適宜	Hồ sơ cần thiết thích hợp

- ※1 就労・就学の状況と希望に応じて、異なる保育必要量の認定を行うことがあります。保育標準時間に該当する場合は、保育短時間を希望することができます。
- ※2 原則は保育標準時間認定ですが、希望により保育短時間認定に変更できます。
- ※3 就労予定で提出した方は、就労開始後に再度就労等証明書の提出を求めることがあります。
- ※4 この日より申請日が後の場合は、認定開始日が異なります。
- ※5 đến hết thời hạn được ghi trên giấy chứng nhận y tế hoặc trong 3 tháng kể từ ngày cấp. Trường hợp muốn tiếp tục thì cần phải nộp lại để xác nhận tình trạng.
- ※6 保育の必要性を確認するため、診断書等の提出を求めることがあります。
- ※7 Từ tháng 4 năm 2024, lớp trẻ 2 tuổi cũng có thể sử dụng tiếp tục.

### 3. Tiêu chuẩn sử dụng/rời khỏi cơ sở chăm sóc, v.v...

#### (1) Về việc sử dụng

Về nguyên tắc, ngày bắt đầu sử dụng phải là ngày 1 hàng tháng.

#### **【Cần phải đáp ứng tất cả các điều kiện sau đây tại thời điểm ngày bắt đầu sử dụng】**

① Trẻ và người giám hộ phải là cư dân thành phố Toyoake.

«Trường hợp dự định chuyển chỗ ở đến»

Chỉ có thể đăng ký trong trường hợp trẻ con và người giám hộ có dự định chuyển chỗ ở đến thành phố Toyoake trước ngày bắt đầu sử dụng và có thể ghi chính xác địa chỉ dự định sinh sống tại thời điểm đăng ký.

② Phải nhận được chứng nhận chăm sóc trẻ (Chứng nhận số 2, Chứng nhận số 3) từ thành phố. (Nếu đang có dự định chuyển chỗ ở đến thì phải đáp ứng lý do chứng nhận)

③ Trẻ có thể sinh hoạt tập thể trong cơ sở chăm sóc trẻ, v.v...

#### \*Về thời gian sử dụng\*

Thời gian có thể sử dụng cơ sở chăm sóc trẻ, v.v... là cho đến lớp trẻ 2 tuổi hoặc cho đến trước khi nhập học tiểu học. Tuy nhiên, trường hợp không còn nhu cầu chăm sóc trẻ nữa thì chứng nhận chăm sóc trẻ sẽ bị hủy và cũng sẽ bị yêu cầu rời khỏi cơ sở chăm sóc, v.v... また、「妊娠・出産」による利用は、あらかじめ期間が定まっている期限付き利用となります。利用承諾期間後の継続利用については、保育認定を満たす必要があり、事前に申請が必要です。継続して保育所等の利用をご希望の場合は、必ず事前にご相談ください。

#### Về việc sắp xếp sử dụng cơ sở

- Trường hợp số lượng đăng ký vượt quá giới hạn có thể sử dụng, chúng tôi sẽ tiến hành chỉ số hóa trong tiêu chuẩn của thành phố dựa trên lý do chứng nhận và tình trạng hộ gia đình, v.v..., người có mức độ ưu tiên cao hơn sẽ được ưu tiên sử dụng trước. (利用調整指数表は 10 ページ参照。)
- Trường hợp chỉ số giống nhau thì tất cả những đăng ký đồng loạt và đăng ký vào cơ sở chăm sóc khi cần thiết vào ngày 1 tháng 4 năm 2024 sẽ được xác định theo thứ tự bốc thăm tại thời điểm tiếp nhận đăng ký. Đối với những đăng ký vào cơ sở chăm sóc khi cần thiết từ ngày 1 tháng 5 năm 2024 trở đi, trường hợp tháng mong muốn sử dụng giống nhau thì chúng tôi sẽ ưu tiên sử dụng cho người có ngày đăng ký và thời gian bắt đầu tiếp nhận sớm hơn trước.
- Chúng tôi sẽ không sắp xếp sử dụng ngoài những cơ sở chăm sóc trẻ mong muốn, v.v...

#### (2) Về việc rời khỏi cơ sở chăm sóc

Về nguyên tắc, ngày rời khỏi cơ sở chăm sóc phải là ngày cuối mỗi tháng. Trường hợp chuyển chỗ ở đi khỏi thành phố hoặc không còn tương ứng với lý do chứng nhận sẽ bị yêu cầu rời khỏi cơ sở chăm sóc vào ngày cuối cùng của tháng có ngày đó.

Vui lòng nhanh chóng nộp thông báo rời khỏi cơ sở chăm sóc đến từng cơ sở chăm sóc trẻ, v.v... tại thời điểm xác định việc rời khỏi cơ sở chăm sóc. (Vui lòng nộp trước ít nhất 2 tuần trước ngày mong muốn rời khỏi cơ sở chăm sóc.)

\*Trường hợp không đến cơ sở chăm sóc trẻ trong thời gian dài\*

Trường hợp không đến cơ sở chăm sóc trẻ quá 1 tháng sẽ bị yêu cầu rời khỏi cơ sở chăm sóc, v.v... Ngoại trừ khoảng thời gian về quê sinh em bé tính từ ngày đầu tiên của 2 tháng trước tháng dự sinh đến ngày cuối cùng của 2 tháng sau ngày sinh. Trong trường hợp đó, có nghĩa vụ phải chi trả phí chăm sóc trẻ, phí ăn uống, v.v... trong thời gian gửi trẻ.



## 4. Về quy trình thủ tục đăng ký sử dụng và các hồ sơ cần thiết, v.v...

Thành phố sẽ quyết định việc sử dụng tất cả 19 cơ sở chăm sóc trẻ, v.v... nên vui lòng điền tất cả các cơ sở chăm sóc trẻ, v.v... trong thành phố mà mình mong muốn sử dụng vào cột “Cơ sở chăm sóc trẻ mong muốn sử dụng, v.v...”. Trường hợp không còn chỗ trống, v.v... trong phạm vi có thể sử dụng tại cơ sở chăm sóc trẻ, v.v... mà bạn mong muốn thì có thể sẽ không thể đáp ứng được mong muốn của bạn cho dù bạn có đăng ký sử dụng.

### (1) Về quy trình thủ tục đăng ký sử dụng và lịch trình

- ① Đăng ký đồng loạt・・・【Ngày 1 tháng 4 năm 2024 vào cơ sở chăm sóc】
- ② Đăng ký khi cần thiết・・・【Ngày 1 tháng 4 năm 2024 vào cơ sở chăm sóc】
- ③ Đăng ký khi cần thiết・・・【Ngày 1 tháng 5 năm 2024 vào cơ sở chăm sóc～】

	① Đăng ký đồng loạt	② Đăng ký khi cần thiết 【令和6年4月1日入園】	③ Đăng ký khi cần thiết 【令和6年5月1日以降入園】
1. Phân phát toàn bộ hồ sơ đăng ký	2023/10/2～	2023/12/1～	
2. Tiếp nhận đăng ký	2023/10/23～ 一斉申込配布資料に記載	2024/1/15～	
3. Kỳ hạn tiếp nhận đăng ký	～2023/11/21 17:00 Trường hợp có phòng vấn thì tiến hành tại cơ sở chăm sóc mong muốn số 1 ～2023/11/24	【Lần thứ 1】 2024/1/31 【Lần thứ 2】 2024/2/29	Cuối tháng trước 2 tháng mong muốn sử dụng
4. Thông báo kết quả sắp xếp sử dụng cơ sở (đồng ý sử dụng) (※1)	【Lần thứ 1】 2024/1 【Lần thứ 2】 2024/2 【Lần thứ 3】 2024/3	【Lần thứ 1】 2024/2 【Lần thứ 2】 2024/3	Khoảng cuối tháng trước tháng mong muốn sử dụng
5. Buổi giới thiệu vào cơ sở chăm sóc sau khi quyết định sử dụng	2024/3Đầu～Giữa	2024/3Đầu～Giữa	—
6. Thông báo quyết định phí chăm sóc trẻ, v.v...	2024/3Cuối	2024/3Cuối	Khoảng cuối tháng trước tháng mong muốn sử dụng

(※1) Đây là thông báo đồng ý sử dụng hoặc bảo lưu việc sử dụng. Trường hợp không thể cung cấp cơ sở sử dụng, chúng tôi sẽ cho biết kết quả bằng thông báo bảo lưu việc sử dụng. (Chỉ cấp 1 lần) Sau đó trở đi, chúng tôi sẽ tiến hành sắp xếp sử dụng cơ sở hàng tháng. Chúng tôi chỉ liên hệ cho bạn trong trường hợp kết quả cho thấy có chỗ trống trong phạm vi có thể sử dụng.

### Khi đăng ký

- お子さんの父または母が手続きを行ってください。(事情により父母が手続きできない場合等は、事前に市役所こども保育課にご相談ください。)
- 申込みは、市内・市外在住を問わず郵送による提出も可能です。
- Cần 1 bộ hồ sơ đăng ký ứng với mỗi trẻ.
- Trường hợp có bất cập, thiếu sót trong hồ sơ đăng ký sẽ không thể hoàn tất việc tiếp nhận. Vui lòng nộp tất cả những thứ cần thiết trước kỳ hạn tiếp nhận đăng ký. (※Trường hợp có bất cập, thiếu sót trong hồ sơ gửi qua đường bưu điện sẽ không thể hoàn tất việc thụ lý.この場合、再度書

類を郵送していただくか、こども保育課窓口の不備内容の訂正等にお越しいただく必要がありますのでご注意ください。

- Một khi đã thụ lý hồ sơ đăng ký sẽ không hoàn trả lại hồ sơ. Nếu cần thiết thì vui lòng tạo ra một bản sao trước khi nộp.

- Trường hợp có thay đổi về trạng thái đơn đăng ký (lý do chứng nhận hoặc tình trạng hộ gia đình) thì vui lòng thông báo cho chúng tôi ngay lập tức. Tùy theo nội dung mà chúng tôi có thể yêu cầu bạn gặp mặt để cung cấp thông tin chi tiết hoặc nộp hồ sơ bổ sung.

- Trường hợp có giả mạo rõ ràng trong nội dung đăng ký, chúng tôi sẽ không thể đồng ý cho việc sử dụng. Trong trường hợp đó, việc sử dụng sẽ bị hủy hoặc sẽ bị yêu cầu rời khỏi cơ sở chăm sóc kể cả sau khi đã quyết định việc sử dụng.

## 《一斉申込みの受付について》

詳しくは、別添資料「令和6年度一斉申込手続きの注意事項」をご確認ください。

### \*就労開始日について\*

認定事由が「就労」である場合、就労開始日（復職日）が4月30日までであれば一斉申込みが可能です（保育料等は月額）。なお、保育所等に初めて通う際には、ならし保育(※)として午前中のみの保育を行う期間があります。

### (※)ならし保育について

豊明市では、新たに保育所等を利用するお子さんが、できる限り無理なく少しずつ集団生活に慣れるために、1週間程度「ならし保育」を行っています。このならし保育期間中は午前中のみの保育とし、給食を食った後に降園となります。詳しくは各保育所等にお尋ねください。

## 《Về việc tiếp nhận đăng ký khi cần thiết》

- Vui lòng nộp hồ sơ đăng ký đến Ban chăm sóc trẻ tại Trụ sở hành chính thành phố.
- Chúng tôi chỉ liên hệ cho bạn trong trường hợp kết quả sắp xếp sử dụng cơ sở cho thấy có chỗ trống trong phạm vi có thể sử dụng. Trong cùng một năm tài chính, việc sắp xếp sử dụng cơ sở sẽ được thực hiện tự động hàng tháng trừ khi bạn hủy bỏ việc đăng ký sử dụng. Vì vậy, không cần làm thủ tục đăng ký lại. Đối với việc thay đổi nội dung mong muốn liên quan, vui lòng thông báo cho chúng tôi trước kỳ hạn tiếp nhận đăng ký hàng tháng.
- 詳しくは別添資料「令和6年度 随時申込手続きの注意事項」をご確認ください。

## (2) Về những thứ cần thiết cho việc đăng ký đồng loạt

1. Đơn đăng ký sử dụng cơ sở chăm sóc trẻ, v.v...

2. Đơn xin chứng nhận chu cấp quyền lợi giáo dục và chăm sóc trẻ/chứng nhận quyền lợi sử dụng cơ sở, v.v...

3. Hồ sơ lý do chứng nhận của người giám hộ (cha/mẹ)

保育認定の申請のための必要書類です。  
(詳細は3、4ページ参照。)

4. Thư xác nhận về việc đăng ký sử dụng cơ sở chăm sóc trẻ, v.v...

5. Hồ sơ có thể xác nhận được mã số cá nhân (Những thứ sau đây bắt buộc đối với người giám hộ đến quây dịch vụ khi đăng ký.)

	Thứ có thể xác nhận được mã số cá nhân	Thứ gì có thể xác nhận danh tính
①	Thẻ mã số cá nhân	
②	Thẻ thông báo Hoặc Bản sao phiếu cư dân có ghi mã số cá nhân	Giấy phép lái xe, hộ chiếu, thẻ cư trú (Trường hợp không thể chuẩn bị được những thứ này thì vui lòng cung cấp 2 trong số những giấy tờ: thẻ bảo hiểm, sổ hưu trí, giấy chứng nhận trợ cấp nuôi dưỡng trẻ em)

① Vì có thể xác nhận được cả mã số và danh tính nên vui lòng chỉ mang theo thẻ số cá nhân.

② Vui lòng mang theo thứ có thể xác nhận được mã số và thứ gì có thể xác nhận được danh tính.

※Còn nhiều thiếu sót trong nội dung ghi và hồ sơ nộp. Vui lòng xác nhận các điểm sau trước khi nộp.

① Hồ sơ nộp có được điền bằng bút bi có thể xóa được bằng cách cọ sát hoặc bút chì không?

② Đã ký vào cột “Bản cam kết liên quan đến phí chăm sóc trẻ, v.v... và phí ăn uống, v.v...” ở mặt sau của đơn đăng ký chưa?

③ 訂正箇所には修正液や修正テープを使用せず二重線が引かれているか。

### \* 仕事を探すため、求職活動の認定を受け利用する場合 \*

認定要件は、就労を目的として月60時間以上求職活動をし、期日である毎月15日（休日の場合は直前の市役所開庁日）までに市役所こども保育課の窓口にて活動報告をすることです。認定期間内に就労し、就労等証明書を提出することができない場合は、認定期間終了をもって退園となります。また、期日までに報告がない場合は、認定期間内であっても認定の取消し、保育所等を退園となります。

### \* 「妊娠・出産」の認定を受け、保育所等を利用する場合 \*

利用期間は、認定開始日から出産日の翌々月の末日までの期間限定利用となります。その後も保育認定を受け、引き続き利用を希望する場合は、継続利用が可能ですので、必ず事前にお申し出ください。

### \* Trường hợp có thay đổi về nội dung chứng nhận, tình trạng hộ gia đình, v.v... sau khi đăng ký sử dụng \*

Vui lòng thông báo ngay cho Ban chăm sóc trẻ tại Trụ sở hành chính thành phố. Tùy thuộc vào tình trạng, chúng tôi có thể yêu cầu bạn nộp hồ sơ bổ sung.

## 利用申込 Q&A

Q 1. 兄弟で申込む予定ですが、就労等証明書は人数分必要ですか。

A 1. 原本は 1 枚で結構です。お子さん全員の氏名と生年月日を記入のうえ、人数分をコピーし、それぞれの申込書類としてご用意をお願いします。

Q 2. 申込後に希望園を変更したい場合はどうすればよいですか。

A 2. 申込受付締切日までに、市役所こども保育課へお申し出ください。

Q 3. 転園希望はできますか。

A 3. はい、可能です。申込受付締切日までに市役所こども保育課へお申し出ください。なお、転園ご案内後の辞退はできませんので、十分検討のうえ申し込んでください。（転園前の保育所等の空いた枠に別の方を案内することがあるため）

Q 4. 共働きで認定こども園幼稚園部分と保育所等を併願する予定ですが、どのような手続きが必要ですか。

A 4. 以下のとおり、それぞれの申込手続き等をしてください。両方とも利用できる状況になった場合は、いずれか一方の利用を選択していただく必要があります。（両方に在籍することはできません。）

### 申込手続き

- ・認定こども園（幼稚園部分）：施設で受付

- ・保育所等：市役所こども保育課（一斉申込みの場合は各施設または市役所こども保育課）で受付

Q 5. 利用保留となりましたが、その後も毎月利用申込みをする必要はありますか。

A 5. 翌月以降も利用を希望する場合、その後新たな申込手続きをする必要はありません。ただし、就労状況、世帯状況等に変更があった場合は、市役所こども保育課まで必ずご連絡ください。この際、認定内容に変更が生じることがありますので、変更手続き等書類の提出が必要となる場合があります。なお、就労等保育を必要とする状況に変更があったにもかかわらず、申し出がなく、そのことが利用決定後に判明した場合、利用承諾の取消し、または退園となる場合があります。

Q 6. 利用申込みを取り下げの場合はどうすればよいですか。

A 6. 市役所こども保育課へお申し出ください。

Q 7. これから生まれる子の申込みはできますか。

A 7. 出生前でも、利用可能月齢であれば申込みは受け付けます（2 ページ参照）。必ず母子手帳の表紙と出産予定日のページの写しを添付してください。

Q 8. 月の初日からではなく、就労開始日または産後休業・育児休業明けの復職予定日（以下、「復職予定日等」）を利用開始希望日とすることは可能ですか。

A 8. 利用開始希望日は原則毎月 1 日のみです。

復職予定日等が月の途中である場合、その日から実際の利用を開始することは可能ですが、保育料等は月額を徴収します。復職予定日等の前に、ならし保育を行っていただくことをお勧めします。

Q 9. 保護者同士で認定事由と保育必要量が異なる場合、どちらの事由と保育必要量が適用されますか。

A 9. 認定事由は、期間が限定されている事由が優先されます。保育必要量は、保育短時間認定となります。

（例）父：疾病・保育標準時間、母：就労・保育短時間の場合

→認定事由は就労、保育必要量は保育短時間での認定となります。

Q 10. 求職活動で申込んだのですが、1 か月で就職先が見つかりました。求職活動の認定期間は 3 か月程度ですが、同じ年度内であれば再度求職活動で申込むことはできますか。

A 10. はい、可能です。1 か月で就職先が決定した場合、年度内で残り 2 か月分求職活動での申し込みができます。

# 5. 豊明市保育所等利用調整指数表(令和6年度)

父(基準指数)	+	父(調整指数①)	+	母(基準指数)	+	母(調整指数①)	+	調整指数②		合計

指数表は毎年度見直すことがあるため、次年度は変更となる場合があります。

区分・形態		指数	
基準指数	<b>1 就 労</b>		
	(1) 会社員・経営者(自営業・農業)		
	1 就 労 時 間	175H/月以上	20
	2 //	160H/月以上	19
	3 //	140H/月以上	18
	4 //	120H/月以上	17
	5 //	100H/月以上	16
	6 //	80H/月以上	15
	7 //	60H/月以上	14
	(2) 内 職	12	
指 数	<b>2 就 学</b>		
	1 就 学 時 間	175H/月以上	17
	2 //	160H/月以上	16
	3 //	140H/月以上	15
	4 //	120H/月以上	14
	5 //	100H/月以上	13
	6 //	80H/月以上	12
	7 //	60H/月以上	11
	<b>3 出 産</b>	18	
	<b>4 育児休業(3歳児～5歳児のみ)</b>		14
<b>5 疾 病、障がい等</b>			
(1) 疾 病			
1 入 院		18	
2 通 院 (16日/月以上の治療が必要な場合)		13	
3 自宅療養(医者が保育に支障があると認めた場合)		11	
(2) 障害者手帳・療育手帳			
1 1・2級又はA	障がい部位により保育ができない場合に限る。	18	
2 3・4級又はB・C		10	
3 上記以外		9	
<b>6 親族の介護・看護</b>			
1 介護・看護時間	120H/月以上	12	
2 //	60H/月以上	10	
<b>7 災 害 復 旧</b>		18	
<b>8 求職活動・起業準備</b>		3	
<b>9 通園施設付添</b>		14	

調整指数①		調整指数②		
調 整 指 数	<b>【就労 調整指数】</b>			
	1 経営者(自営業)で公的書類無の場合	△2		
	2 保育士※1	+3		
	<b>【就学 調整指数】</b>			
	1 受験者	△2		
	<b>【世帯状況 調整指数】</b>			
	1 父親または母親が不在の場合	+25		
	<b>【その他】</b>			
	1 利用第1希望保育所等が兄弟で同じ場合、または利用第1希望保育所等に兄弟が在園している場合	+5		
	2 育休取得による退所後に再度育休事由で利用を申込み場合※2	+3		
3 転園児※3	+3			
4 市内認可外保育施設利用者(要認定)※4	+3			
5 同一施設希望の1号認定利用者	+5			
6 保育料等滞納者(市との面談に応じない場合)	△5			

- ※1 市内の認可保育所等において、保育士として継続的に就労する(予定者を含む。)場合に限りします。
- ※2 3～5歳児クラスの利用申込みに限りします。
- ※3 利用調整時、一定の要件を満たす人が優先される場合があります。
- ※4 保育所等利用保留中等、一定の要件を満たす人に加点されます。

## 6. Về phí chăm sóc trẻ, v.v..., phí chăm sóc trẻ kéo dài và phí ăn uống, v.v..

### (1) Phí chăm sóc trẻ, v.v...

Phí chăm sóc trẻ, v.v... được quyết định theo bảng sau đây dựa trên số tiền thuế cư dân thành phố, thị trấn và làng xã tính theo thu nhập chịu thuế của bố mẹ hoặc người có nghĩa vụ nuôi dưỡng khác có cùng sinh kế với trẻ đang sử dụng cơ sở chăm sóc trẻ, v.v... (giới hạn trong trường hợp là người trụ cột về kinh tế gia đình). Sẽ cần các loại chi phí khác như hội phí người giám hộ và phí ăn uống, v.v... nên vui lòng lưu ý. (Các cơ sở chăm sóc trẻ, v.v... sẽ thông báo.)

Phí chăm sóc trẻ, v.v... đối với trẻ em từ 3 tuổi đến 5 tuổi sẽ được miễn phí.

【Số tiền theo thu nhập chịu thuế được xác định dựa trên số tiền trước khi khấu trừ thuế như khấu trừ cổ tức, khấu trừ đặc biệt cho các khoản vay mua nhà, v.v..., khấu trừ đặc biệt cho việc trùng tu chống động đất, v.v...】

《Bảng số tiền tiêu chuẩn thu phí chăm sóc trẻ thành phố Toyoake》

(単位：円)

Cấp bậc	Tổng số tiền thuế cư dân thành phố, thị trấn và làng xã tính theo thu nhập chịu thuế(※1)		0 歳児		1・2 歳児	
			Thời gian chăm sóc trẻ tiêu chuẩn	Thời gian chăm sóc trẻ ngắn	Thời gian chăm sóc trẻ tiêu chuẩn	Thời gian chăm sóc trẻ ngắn
A	Người được bảo hộ, v. v. . . (※2) Cha mẹ nuôi (※3)		0	0	0	0
B	Hộ gia đình được miễn thuế cư dân thành phố, thị trấn và làng xã		0	0	0	0
C	Dưới 48,600 yên	Các hộ gia đình như hộ gia đình cha mẹ đơn thân v. v. . (※4)	3,400	2,100	3,400	2,100
		Khác	7,800	5,200	7,800	5,200
D1	48,600 円～	Các hộ gia đình như hộ gia đình cha mẹ đơn thân v. v. . (※4)	5,500	4,200	5,500	4,200
		Khác	11,100	8,400	11,100	8,400
D2-1	59,600 円～	Các hộ gia đình như hộ gia đình cha mẹ đơn thân v. v. . (※4)	9,000	7,600	9,000	7,600
		Khác	19,100	16,300	19,100	16,300
D2-2	77,101 円 ～		19,100	16,300	19,100	16,300
D3	79,600 円 ～		27,400	24,400	27,400	24,400
D4	97,000 円 ～		33,900	30,800	33,900	30,800
D5	116,000 円 ～		40,500	37,300	40,500	37,300
D6	134,000 円 ～		42,700	39,500	42,200	39,000
D7	152,000 円 ～		44,500	42,000	43,900	40,700
D8	169,000 円 ～		53,600	50,200	49,600	46,300

D9	301,000円～	55,600	52,200	50,600	47,300
----	-----------	--------	--------	--------	--------

(※1) 政令指定都市で課税されている場合、税率は税源移譲前の税率を基準に算定します。

(※2) 被保護者等とは次の者のことです。

- ・生活保護法第6条第1項に規定する被保護者及び支援給付を受けている者

(※3) 里親とは次の者のことです。

- ・児童福祉法第6条の4に規定する里親

(※4) ひとり親家庭等の世帯とは次のいずれかに該当する世帯のことです。

- ・配偶者のいない女子又は男子で現に児童を扶養している世帯(母子及び父子並びに寡婦福祉法の定めによる。)及びこれに準ずる家庭の世帯
- ・在宅障害者(児)のいる世帯。障害者(児)とは、身体障害者手帳、療育手帳又は精神障害者保健福祉手帳の交付を受けている人、特別児童扶養手当の支給対象児、国民年金の障害基礎年金等の受給者です。
- ・生活困窮者等特に市長が認めた世帯

Ph í chăm sóc trẻ, v.v... có thể thay đổi do thay đổi tình trạng hộ gia đình, điều chỉnh thuế hoặc thay đổi các nội dung chứng nhận (thay đổi về mức độ cần chăm sóc trẻ, v.v...). Về nguyên tắc sẽ phản ánh vào ph í chăm sóc trẻ, v.v... từ tháng tiếp theo tháng có thay đổi (trường hợp có thay đổi vào ngày đầu tiên của tháng thì từ tháng đó trở đi). (認定変更の申請方法については3ページ参照。)

#### ア. Về việc giảm ph í chăm sóc trẻ, v.v... và hệ thống miễn giảm

- ◇ 次の軽減、減免については重複しての適用はされません。
- ◇ 半額となる場合は全て100円未満の端数を切り捨てとします。

① Giảm bớt gánh nặng do sử dụng đồng thời (ngoài cơ sở chăm sóc trẻ, v.v... còn bao gồm trường mẫu giáo, nhà trẻ được chứng nhận, hỗ trợ phát triển trẻ em, cơ sở chăm sóc trẻ loại hình doanh nghiệp chủ đạo, lớp học hỗ trợ đặc biệt (bên trong cơ sở chăm sóc trẻ Aoitori), v.v... Vui lòng liên hệ với chúng tôi để biết thêm thông tin chi tiết. (\*) Không áp dụng đối với cơ sở chăm sóc trẻ chưa được chứng nhận)

- Người thứ 2 sử dụng . . . Một nửa số tiền trong bảng số tiền tiêu chuẩn phải thu
- Người thứ 3 sử dụng . . . Miễn ph í

② Giảm bớt gánh nặng cho các hộ gia đình như hộ gia đình đơn thân thuộc tầng lớp C ~ D2-1, v.v...

- Con thứ 2 trở lên sử dụng . . . Miễn ph í

③ Giảm bớt gánh nặng cho các hộ gia đình có tổng số tiền thuế cư dân thành phố, thị trấn và làng xã tính theo thu nhập chịu thuế dưới 57.700 yên

Trường hợp có từ 2 trẻ trở lên có cùng sinh kế trong cùng một hộ gia đình thì con thứ 2 sử dụng sẽ còn một nửa, con thứ 3 trở đi sẽ được miễn ph í.

※例外となる場合もありますので、詳細はお問い合わせください。

④ Giảm bớt gánh nặng cho trẻ thứ 3 trong hộ gia đình

Trường hợp trẻ thứ 3 trở đi trong hộ gia đình đang nuôi 3 trẻ dưới 18 tuổi trở lên trong cùng một hộ gia đình sử dụng lớp trẻ 2 tuổi trở xuống thì ph í chăm sóc trẻ, v.v... sẽ như dưới đây

\*C~D3 Cấp bậc Miễn ph í

\*D4~D8 Cấp bậc Người thứ 1 sử dụng cơ sở chăm sóc sẽ là một nửa số tiền (Người thứ 2 trở đi sử dụng chỉ áp dụng mức giảm ① ở trên)

その他、災害、疾病など特別な事情がある保護者には、保育料等の負担軽減を目的に次のとおり保育料等の減免制度があります(申請方法についてはこども保育課までお問い合わせください)。

- i. 所得減 . . . C~D2-2階層の人で、当該年中における所得が、前年に比べ2分の1以下に減少する

と認められる場合、申請した月から当該事由が消滅した月まではC階層の人は全額、D1～D2-2階層の人は半額の減免となります。

- ii. 長期療養・・・C～D2-2階層の人で、生計中心者が長期療養者（現に継続して6か月以上療養の人又は継続して6か月以上療養を要すると思われる人）の場合、申請した月から当該事由が消滅した月までに係る保育料等額のうち、C階層の人は全額、D1～D2-2階層の人は半額の減免となります。申請の際は診断書を提出してください。
- iii. り災・・・自己の所有に係る住宅又は家財について生じた損害金額（保険金及び補償金により補てんされるべき金額を除く。）が、その住宅又は家財の価額の5割以上の場合、申請した月から1年間に係る保育料等のうち、C階層の人は全額、D1階層以上の人は半額の減免となります。申請の際は、り災証明を提出してください。
- iv. 失業保険受給・・・C～D2-2階層の人で、雇用保険法に定める失業保険の受給資格を有する生計中心者の場合、申請した月から当該事由が消滅した月までに係る保育料等のうち、C階層の人は全額、D1～D2-2階層の人は半額の減免です。申請の際は、失業保険受給者証を提示してください。
- v. ひとり親家庭等の世帯のうちD2-2の人は1,000円の減免

イ. Tính toán phí chăm sóc trẻ, v.v...、決定通知について

- ◆ Phí chăm sóc trẻ, v.v... sẽ được tính dựa trên số tuổi tại thời điểm ngày 1 tháng 4 năm 2024. Kể cả trường hợp ngày sinh đã trôi qua trong năm tài chính và số tuổi đã tăng lên thì phí chăm sóc trẻ, v.v... cũng sẽ không thay đổi. Phí chăm sóc trẻ, v.v... có thể thay đổi do thay đổi về số tiền thuế, v.v...
- ◆ Trường hợp cha mẹ không có đủ thu nhập để duy trì kinh tế gia đình (dưới 1,8 triệu yên. Tuy nhiên, gia đình chỉ có cha hoặc mẹ thì dưới 1,3 triệu yên) và trường hợp có người có nghĩa vụ nuôi dưỡng (giới hạn trong trường hợp là người trụ cột về kinh tế gia đình) như ông bà, v.v... trong cùng một hộ gia đình có số tiền thuế cư dân thành phố, thị trấn và làng xã tính theo thu nhập chịu thuế cao hơn tổng số tiền của cha mẹ thì sẽ tính toán theo số tiền thuế cư dân thành phố, thị trấn và làng xã tính theo thu nhập chịu thuế của người đó.
- ◆ Phí chăm sóc trẻ, v.v... từ tháng 4 đến tháng 8 sẽ được xác định dựa trên số tiền thuế cư dân thành phố, thị trấn và làng xã tính theo thu nhập chịu thuế trong năm tài chính trước (năm tài chính 2023). Phí chăm sóc trẻ, v.v... từ tháng 9 đến tháng 3 năm tiếp theo sẽ được xác định dựa trên số tiền thuế cư dân thành phố, thị trấn và làng xã tính theo thu nhập chịu thuế của năm tài chính đó (năm tài chính 2024).
- ◆ 保育料等は、「保育料（利用者負担額）決定通知書」によって通知します。
- ◆ Trường hợp sử dụng cơ sở chăm sóc vào ngày đầu tiên của tháng đó thì phải trả phí chăm sóc trẻ, v.v... 1 tháng bất kể có mặt hay vắng mặt.
- ◆ Việc nộp phí chăm sóc trẻ, v.v... sẽ như dưới đây.

Cơ sở	Nơi nộp	Kỳ hạn nộp	Phương pháp nộp
<b>Nhà trẻ</b>	Thành phố	Nộp phí của tháng tương ứng trước ngày 25 hàng tháng (Kỳ hạn nộp phí tháng 4 là ngày 25 tháng 5, sẽ góp 2 tháng lại để nộp) ※Trường hợp ngày 25 là thứ Bảy, Chủ nhật hoặc ngày lễ thì sẽ là ngày làm việc tiếp theo	Chuyển khoản ngân hàng Thư thông báo nộp
<b>Cơ sở trông và dạy trẻ đạt chứng nhận (Phần nhà trẻ) Hoạt động chăm sóc trẻ hình thức khu vực</b>	Các cơ sở	Khác nhau tùy theo từng cơ sở	

Vui lòng đảm bảo nộp phí chăm sóc trẻ, v.v... đúng hạn vì đây là nguồn tài chính quý giá cho việc quản lý điều hành cơ sở chăm sóc trẻ, v.v... Nếu chậm nộp phí chăm sóc trẻ, v.v... trong một thời gian dài thì có thể sẽ bị khấu trừ từ trợ cấp trẻ em và truy thu đặc biệt.



## (2) Về phí chăm sóc trẻ kéo dài

Chỉ tổ chức chăm sóc trẻ ngoài giờ như bảng bên dưới trong trường hợp cần phải chăm sóc trẻ vào sáng sớm, kéo dài hoặc vào thứ Bảy do hoàn cảnh của người giám hộ như phải làm việc, v.v... Trường hợp mong muốn sử dụng thì cần phải đăng ký trước tại các cơ sở chăm sóc trẻ, v.v... Về nguyên tắc, thời gian sử dụng dịch vụ chăm sóc trẻ vào sáng sớm, kéo dài hoặc vào thứ Bảy là “Thời gian làm việc + Thời gian đi lại để làm việc”. Phí chăm sóc trẻ kéo dài sẽ như dưới đây, nơi nộp là các cơ sở.

保育所等	時間帯
Futamuradai・Yakata・Mutsumi・Mamina・Shiraho・Keyaki・Aiguran・Zengo・Nakayoshi	【早朝】7:30～ Đến thời gian mở cửa thông thường (Shiraho・Keyaki・Aiguran 7:00～ Đến thời gian mở cửa thông thường) 【延長】(Ngày làm việc trong tuần) Sau thời gian mở cửa thông thường ~ 19:00 (Thứ Bảy) Sau thời gian mở cửa thông thường ~ 18:30 (Aiguran・Zengo 19:00まで)
Tất cả ngoại trừ bên trên	【早朝】7:30～ Đến thời gian mở cửa thông thường 【延長】Sau thời gian mở cửa thông thường ~ 18:30

### ○Ngày làm việc trong tuần

Mutsumi Himawari	7:30	8:00	16:00	17:30	18:30	19:00	
Shiraho Keyaki Aiguran	7:00	7:30	8:15	16:15	17:30	18:30	19:00
Tất cả ngoại trừ bên trên	7:30	8:15	16:15	17:30	18:30	19:00	

Thời gian chăm sóc trẻ ngắn	100円 (しらほ部・番掛けやき・アイグラン以外は7:30～)	Thời gian mở cửa thông thường	100円(※)	100円(※)	100円(※) (Giới hạn ở các cơ sở chăm sóc trẻ có thời gian mở cửa đến 19 giờ.)
Thời gian chăm sóc trẻ tiêu chuẩn	100円 (しらほ部・番掛けやき・アイグラン)	Không mất phí chăm sóc trẻ kéo dài. (Cần phải có đăng ký trong trường hợp sử dụng)			

(※) 豊明なかよしの短時間認定の場合、16:15～18:15までは30分ごとに100円、18:15～19:00までで100円徴収されます。

### ○Thứ Bảy

Mutsumi Himawari	7:30	8:00	16:00	17:30	18:30		
Shiraho Keyaki Aiguran	7:00	7:30	8:15	16:15	17:30	18:30	19:00
Zengo	7:30	8:15	16:15	17:30	18:30	19:00	
Tất cả ngoại trừ bên trên	7:30	8:15	16:15	17:30	18:30		

Thời gian chăm sóc trẻ ngắn	100円 (しらほ部・番掛けやき・アイグラン以外は7:30～)	Thời gian mở cửa thông thường	100円(※)	100円(※)	100円 (アイグラン・メモリーツリー前後のみ)
Thời gian chăm sóc trẻ tiêu chuẩn	100円 (しらほ部・番掛けやき・アイグラン)	Không mất phí chăm sóc trẻ kéo dài. (Cần phải có đăng ký trong trường hợp sử dụng)			

(※) 豊明なかよしの短時間認定の場合、16:15～17:45までは30分ごとに100円、17:45～18:30までで100円徴収されます。

### (3) Về phí ăn uống, v.v...

Phí ăn uống (phí bữa ăn chính/phí bữa ăn phụ) sẽ khác nhau tùy theo cơ sở. Và phương pháp nộp như dưới đây.

	Chứng nhận loại 2 và Chứng nhận loại 3		Lớp trẻ 1 tuổi
	Lớp trẻ 3~5 tuổi	Lớp trẻ 0~2 tuổi	
Phí ăn uống	Thu phí thực tế (đối tượng như dưới đây※)	Được bao gồm trong phí chăm sóc trẻ, v.v...	Thu phí thực tế (đối tượng như dưới đây※)
Phương pháp nộp	<b>Công lập</b> Chuyển từ tài khoản chuyển khoản phí chăm sóc trẻ <b>Tư lập</b> Trực tiếp đến từng cơ sở	—	Trực tiếp đến từng cơ sở

※Đối tượng là “Trẻ em trong các hộ gia đình có tổng số tiền thuế cư dân thành phố, thị trấn và làng xã tính theo thu nhập chịu thuế (cùng tiêu chuẩn với phí chăm sóc trẻ, v.v...) từ 77.101 yên trở lên”.

Tuy nhiên, ngoại trừ trẻ thứ 3 trở đi đang ở độ tuổi trước khi học tiểu học, v.v... trong hộ gia đình.

### (4) Về các loại chi phí ngoại trừ phí chăm sóc trẻ, v.v... và phí ăn uống

#### (chi phí thu thực tế)

Các cơ sở có thể thu các khoản phí như phí tài liệu học tập, hội phí người giám hộ, v.v... Đối với các cơ sở chăm sóc trẻ tư thực, v.v..., có thể có những điều dùng chỉ định như đồng phục, cặp sách để đi nhà trẻ, v.v... nên vui lòng xác nhận trước khi đăng ký.

※Có thể cần phải trả thêm phí cho vào cơ sở chăm sóc khi sử dụng trường mẫu giáo Rejoice (bộ phận cơ sở chăm sóc trẻ). Vui lòng liên hệ trực tiếp với từng cơ sở để biết thêm thông tin chi tiết.

## 利用開始後Q&A

Q 1. 市内で引っ越しをしましたが、何か手続きは必要ですか。

A 1. 各施設長にお申し出ください。

Q 2. 保育所を利用していますが、妊娠した場合でも引き続き利用できますか。その場合にはどのような手続きが必要ですか。

A 2. 速やかに母子手帳の「表紙」「出産予定日」ページのコピーを各施設事務室に提出してください。出産日の翌々月の末日までは、継続利用が可能です。その後、保育を必要とする事由を満たす場合については、さらに継続して利用が可能です。このうち、育児休業を取得する場合は、3～5歳児クラスのみ継続利用が可能です。（0～2歳児クラスは、育児休業の認定を受けての保育所等利用ができないため、認定期間満了をもって退園となります。）なお、認定変更等の必要な手続きについては、別途ご案内します。※令和6年4月から2歳児クラスも継続利用が可能です。

Q 3. 来月で仕事を辞めることになりました。保育所も退園することになりますか。

A 3. 保育を必要とする事由がない場合は、退園となります。就労することを目的として求職活動を行う場合は、継続利用が可能です。（市役所こども保育課への活動報告が必要）また、求職活動の認定期間内に就労(月 60 時間以上)を開始し、就労への認定変更手続きがあった場合に限り、継続利用が可能です。

Q 4. 現在、認定こども園幼稚園部分を利用していますが、保育所部分に変更することはできますか。

A 4. 保育を必要とする事由を満たし、利用可能枠に空きがある場合のみ可能です。事前に認定変更の申請とともに市役所こども保育課に申込手続きが必要です。利用調整の結果、案内できない場合は、幼稚園部分の利用（1号認定）継続となり、利用可能枠に空きが出るまでお待ちいただくこととなります。

Q 5. 現在認定こども園保育所部分を利用していますが、仕事を辞める予定です。幼稚園部分に変更となりますか。

A 5. 今後も継続して保育を必要とする事由がない場合は、保育所等は退園となりますので、退園届等の提出をお願いします。また、幼稚園部分の利用手続きについては、必ず事前に施設にお問い合わせください。

## 7. その他の様々な保育サービスについて

### (1) 病後児保育（※毎年度更新制です）

病気の回復期（病状が安定していて、回復に向かっている時期）で、医師から病後児保育の利用が可能と診断されたお子さんを、病後児専用施設で一時的に保育する事業です。なお、お子さんの保育は担当保育士・看護師が行い、病状の変化に対応します。

#### ◆病後児保育 利用対象児童 ①～④の全てに該当する方

- ①豊明市内に住所があること。
- ②保育園・幼稚園等に通園している乳幼児または小学校に通学している児童
- ③病気の回復期であるが、集団生活は困難である乳幼児または児童
- ④保護者の勤務等の都合により、家庭で保育を行うことが困難であること。

#### ◆利用までの流れ

##### 1 利用登録

利用を希望する方は、あらかじめ市役所こども保育課（新館2階）窓口及び二村台保育園での事前登録が必要です。

※1回の登録で、当該年度の3月31日まで有効です。毎年3月に翌年度の登録受付を開始します。

##### 2 医療機関受診

医療機関を受診し、医師から「病後児保育が利用可能である診断」を受けてください。

（受入状況等によりご利用できない場合もありますので、事前に空き状況を確認してください。）

##### 3 利用予約

医師から利用可能である診断を受けてから、利用日の前日8時30分から17時、当日は11時まで電話で予約をしてください。

##### 4 病後児保育室利用

利用に際し、必要書類を提出してください。

##### 5 お迎え

お迎え時に、病後児保育室での様子をお伝えします。

★登録・利用等に必要な書類は、全て豊明市ホームページ（下記URL）からダウンロードできます。

<https://www.city.toyoake.lg.jp/1522.htm>

市役所こども保育課窓口及び公立保育園でもお渡ししています。

#### ◆施設および利用概要

《施設名》 病後児保育室「えがお」

《所在地》 豊明市二村台3丁目1番地1 豊明団地54棟104号

《電話番号》 0562-92-2211

《利用日時》 月曜～土曜（祝日・年末・年始を除く）8時から18時まで

《利用期間》 原則として1回につき連続6日間まで

《利用料金》 1人あたり1日につき2,000円 ※生活保護、市民税非課税世帯には減免制度あり。

《利用定員》 1日5人まで ※お預かりするお子さんの状態や予約状況等によってはこれ以下の場合もあり

★その他、「NPO法人福祉サポートセンターさわやか愛知」委託による病児・病後児保育を実施しています。利用にはあらかじめさわやか愛知での手続きが必要です。

詳細はさわやか愛知へお問い合わせください。

《対象》・保育を必要とする生後4か月から小学校6年生までの児童であること。

・豊明市内に住所があること。

《問合せ先》さわやか愛知

所在地：大府市共栄町二丁目420-1 電話番号：0562-44-9206

## (2) 一時保育

一時保育とは、市内在住の保護者が一時的に保育を必要とする場合、**就学前の乳幼児**をお預かりする制度です。受入人数は原則1日5名以内ですが、園の状況により受入できない場合があります。

### ◆一時保育利用要件と実施園

#### (1) 非定型的保育【中部保育園・アイگران保育園内山で実施】

- ★ 保護者が労働、職業訓練等により週3日以内、月15日以内において保育が必要な場合
- ★ 対象年齢児：令和6年4月1日時点で1歳0か月以上

#### (2) 緊急保育【各公立保育所（土曜日は他園の場合あり）で実施】

- ★ 次のような社会的にやむを得ない緊急の事由により一時的に保育が必要な場合
  - ・急病等による緊急入院等、または家族等の看護にあたる時。（月14日以内の必要と認められる日数）
  - ・災害・事故等により不在である時。（月14日以内の必要と認められる日数）
  - ・親族の冠婚葬祭に出席する時。（5日以内）
- ★対象年齢児：各保育所の利用可能年齢による。（→1ページ）

#### (3) 私的理由保育(リフレッシュ保育)【中部保育園・アイگران保育園内山・かなで保育園で実施】

- ★ 保護者の私的理由（家庭での育児疲れの解消等）による場合（月1日のみ利用が可能・かなでは要相談）
- ★ 対象年齢児 （中部保育園・アイگران保育園内山）利用月の初日時点で生後4ヶ月以上  
（中京サテライトクリニック附属かなで保育園）生後57日～

### ◆申込みについて

種別	受付窓口	電話番号	受付日等
非定型的保育 私的理由保育	中部保育園	0562-92-7667	利用月の前月初旬頃の申込受付日(市ホームページ等に掲載) (※)
	アイگران保育園内山	050-3665-8056(仮)	ご相談ください。
私的理由保育	中京サテライトクリニック附属 かなで保育園	0562-57-0082	利用希望日の2週間前まで (2回目以降は1週間前まで)
緊急保育	市役所こども保育課	0562-92-1120	ご相談ください。

(※) その後も空きがあり、受入れが可能な場合は利用希望日の2週間前まで受け付けます。

### ◆保育時間

中部保育園	アイگران保育園内山
【月～金】8時15分から16時15分まで 【土】別途ご相談ください。 (非定型的保育、緊急保育のみ実施)	【月～土】8時15分から16時15分まで
※ 必要に応じて早朝保育、延長保育も実施します。(園の開園時間に同じ)	中京サテライトクリニック附属 かなで保育園
	【月～土】9時から16時15分まで ※ 初日の保育時間は11時30分まで(昼食あり)

※園の状況により、保育時間が短くなる場合があります。

※私的理由保育をご利用の場合、お子様の状況により、早くお迎えをお願いすることがあります。

### ◆料金（令和6年4月1日時点の年齢による。）

年齢	日額
0歳児	2,000円
1・2歳児	1,900円
3歳児	900円
4・5歳児	800円

料金は前月中に振込用紙にて納付いただきます。(欠席した場合は、後日返金します。) 納付がない場合はご利用、新たなお申込はできません。**必ず納期限までにご納付ください。**

利用期間中に園行事に参加する場合は、別途必要経費を徴収します。

# 私立保育所等案内

## むつみほいくえん

子どもたち 一人一人は“かけがえのない存在”

大切に 丁寧に 心に寄り添い みつめる

むつみほいくえんは

子どもたちが 自分らしく 心満たされる場所でありたい

園庭には沢山の木々が育ち、自然の恵みを感じることができます。畑では作物を育て、すべてのいのちを支えてくださっている大地の尊さを学んでいます。園が子ども達を支える大地のような場でありたいと考えています。

また、子ども達が日々生活の見通しをもち、安心して過ごせるようお部屋の保育環境も整えています。

園での生活でいろんなことを体験し、充実した時を過ごしながら、「みんなと手をつなげる子ども」「自立し、あらゆるいのちと共に歩んでいける人」となれるよう、その土台が育まれる園でありたいと考えています。



Instagramで情報配信中

## からたけ保育園



### 《保育理念》

- ① 一人ひとりの子どもの個性を大切にし、楽しく園生活ができる。
- ② 保護者からも愛され、信頼される保育園を目指す。
- ③ 常に保育の資質向上に努め、子どもの段階的發展に結びつける。

### 《保育目標》

- ① あいさつができる子〔心を開く〕
- ② 「はい」と言える子〔尊敬の念を持つ〕
- ③ はきものが揃えられる子〔後始末をつける〕

### 《保育活動》

3歳以上児クラスより

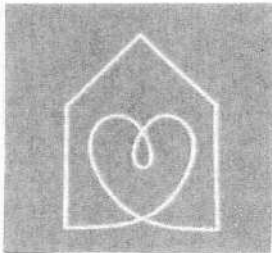
リトミック・体操教室・英語・かきかた（年長児）に取り組んでいます。

## マミーナ保育園

0歳 1歳 2歳

みんなが安心して過ごせる園

子どもの成長を喜び合える園



ホームページにと子ども達の楽しいがいっぱい！



社会福祉法人 白帆会

## しらほ東部保育園

子どもたちが、元気にのびのびと過ごせるようにしらほ東部保育園では、保育園を「昼間の家庭」と考えて、お家の方々と一緒に子育てを考えていきます。



しらほ東部保育園のホームページはこちらです！





保育園での毎日を楽しみながら、子ども達の心と身体は、無理なく自然に成長していきます。

私たちは、子ども達に寄り添いながら、お子様にとっても、保護者の方にとっても、楽しい園生活となるよう願って努めてまいります。

### 保育理念

「共に生き、共に育つ」

子どもも、保育士も共に育ちあえる園

### 保育目標

1. 心も身体も元気で自分を大切にできる子
2. いろいろなことに挑戦する意欲をもった子
3. 感謝する心を大切にし、人を思いやれる優しい心をもった子
4. 自然を大切にし、自然の恵みを受取る子

ホームページも是非ご覧ください

2024年4月開園

## アイグラン保育園内山

### 保育理念

ALGRAN

私たちは子ども達に「自分の夢を自分の力で実現できる人」

になって欲しいと願っています。

そして、そのためには次のことが必要だと考えています。

- ・いろいろなことに興味を持ち、自分で考えやってみる気持ちを持つこと。
- ・思いやりの気持ちを持って楽しく仲間と関わることができること。
- ・安心できる「心の基地」があること。

### 保育方針

自主性を育てます

個性を大切にします

思いやりの気持ちが育つ、「心の基地」をめざします

自然との触れ合いを大切にします

### アイグラン保育園の特色

#### 食育に対する取り組み

給食、おやつとも完全手作り、化学調味料は極力使いません。

#### リトミック教育

有資格講師による本格的なリトミックを導入。

#### オンライン英会話

インターネットを通じてネイティブスピーカーとの対面コミュニケーション

アイグランのホームページです♪

全国のアイグラン保育園を

ご覧ください！



## memorytree三崎保育園

### 保育理念

「お子様第一、パパママ第一」

子どもの無限の可能性を信じ、

初めての「出来た」を共に喜び分かち合う

memorytree保育園では、お子様一人ひとりの発達に合わせ、一人ひとりを大切にしながら温かい保育を行っています。

保護者様との連携を密にし、お子様の成長を共に考え見守りたいと考えています。

そして、忙しい保護者様に代わり、園で英会話、幼児体育、リトミックなど様々な習い事を実施することでお子様の可能性を広げます。

HPもご覧ください♪



## memorytree前後保育園

### 保育理念

「お子様第一、パパママ第一」

子どもの無限の可能性を信じ、

初めての「出来た」を共に喜び分かち合う

memorytree前後保育園は、2020年10月1日に開園した、豊明市で2園目のmemorytree保育園です。memorytree三崎保育園と同様にお子様の成長に沿った温かい保育を行い、習い事も取り入れています。また、前後園では安心安全を配慮した上で、お子様の感性に働きかける工夫が園内に多く施されています。お子様が「本物」に触れる機会を取り入れています。今しかない大切な時期を、保護者様と一緒に成長を考え見守っていきたくと考えています。



## 学校法人 豊明学園 ひまわり

ひまわりは 豊明幼稚園の敷地内にあり 周りは畑や田んぼと緑ゆたかな環境です。 広い園庭で 子供たちは元気いっぱいに遊んだり 園のまわりを散歩したりと 自然に触れ合いながら生活をしています。

夏はプールに 夏祭りごっこ また幼稚園と一緒に クリスマス会をしたり 餅つきをしたりと 楽しく過ごしています。

また 定員 19名ですが 2歳 1歳 0歳と担任制で 切れ目のない保育を心がけています。



## 豊明なかよし保育園

○1973年から43年間、共同保育所として乳幼児の保育を支え、保育運動を拡げてきました。

○2017年度から豊明市の小規模保育事業の認可を受けました。

○0・1・2歳児の保育園です。産休明けから入園できます。

○「食べる・寝る・遊ぶ」を大切にしています。

○一人一人が自分の気持ちで楽しめて、自然をたくさん感じながら心と体を豊かにする散歩を大切にしている保育を行っています。

○そして、人間が大好きな子どもになってほしいと願っています。

○連絡ノートで一日の様子を詳しく伝えます。



平成30年4月  
に開所しました♪

中京サテライトクリニック附属

## かなで保育園

かなで保育園は、子ども・保護者・保育者の3つのつながりを大切にし、共に成長していくことを目指します。

子どもの主体性に重点を置き、ひとりひとりの生活を見守りながら日々大切に保育をしていきます。

また、「なんでも話ができる」家庭的なあたたかい雰囲気を感じ、保護者の方との連携を常に取りながら、毎日元気に楽しく登園できるような保育園を目指します。



幼保連携型認定双峰こども園

## リジョイス幼稚園

0歳(6ヶ月)～年長児までのお子様、愛情を土台とした保育、教育を行います。

当園は「音楽教育」に力を入れており、鼓笛演奏、器楽合奏等を日頃から行っています。また、専門講師による体力増進を目標とした体力指導があり、側転や跳び箱6段を跳べるようになる子もいます。幼少期に多くの体験ができるよう、外国人講師による英語指導やダイナミックで楽しい専門講師による美術指導も行っています。

